

Bản án số: **04/2025/HNGĐ - ST**

Ngày: 24/7/2025.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan**.

Các thẩm nhân dân: Bà **Lò Thị Cải**.

Ông Nông Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2025/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị B**; sinh năm 1984;

Địa chỉ: Bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản B1, xã T, tỉnh Điện Biên).

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn V**; sinh năm 1985;

Địa chỉ: Bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản B1, xã T, tỉnh Điện Biên).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Cà Thị B trình bày:**

1. *Về hôn nhân:* Chị Cà Thị B và anh Quàng Văn V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002. Đến ngày 29/11/2007 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống bất đồng, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh V đã nhiều lần dùng vũ lực đánh chị B chính vì vậy mà cuộc

sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ lâu, chị B đã chuyển về nhà Bố mẹ đẻ sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2- Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Quảng Văn V.

2. *Về con chung*: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Quảng Thị Minh N; sinh ngày 10/9/2003 và cháu Quảng Văn A; sinh ngày 12/02/2016. Tại đơn khởi kiện chị B có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quảng Văn A cho đến khi cháu Văn A đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Quảng Thị Minh N; sinh ngày 10/9/2003 đã đủ tuổi thành niên và cháu đã đi làm. Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau đó tại các phiên hòa giải, chị B xin thay đổi về vấn đề con chung như sau: Đối với cháu Quảng Văn A; sinh ngày 12/02/2016. Cháu có đơn trình bày nguyện vọng của cháu được ở cùng với bố là anh V. Vì vậy chị B đồng ý để anh V sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Văn A cho đến khi cháu Văn A đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Ngoài ra chị không có ý kiến gì thêm.

3. *Về tài sản chung*: Chị B không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung, nợ riêng*: Chị B không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai ngày 30/5/2025 và tại các phiên hoà giải bị đơn anh Quảng Văn V trình bày:***

1. *Về hôn nhân*: Anh Quảng Văn V và chị Cà Thị B; sinh năm 1984; địa chỉ: Bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002. Đến ngày 29/11/2007 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị B đi làm xa nhà khi về anh V có nghe mọi người nói rằng chị B có quan hệ bất chính với người làm cùng, anh V có hỏi thì chị B không công nhận. Từ đó vợ chồng mỗi người đi làm một nơi, mọi sự mâu thuẫn cũng chỉ vì nghi ngờ lẫn nhau, dẫn đến không có tiếng nói chung, anh V cho rằng anh đánh chị B cũng vì nhiều lý do về tâm lý bị ức chế. Vì vậy anh chị đã sống ly thân, chị B đã chuyển về nhà Bố mẹ sinh sống. Nay chị B làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V, mặc dù cuộc sống vợ chồng anh chị không hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến nhau nhưng anh V vẫn không đồng ý ly hôn với chị B vì anh V cho rằng mình vẫn còn yêu thương vợ con. Anh V đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị quay về đoàn tụ.

2. *Về con chung*: Anh V và chị B có 02 con chung là cháu Quàng Thị Minh N; sinh ngày 10/9/2003 và cháu Quàng Vân A; sinh ngày 12/02/2016. Anh V trình bày vì anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nuôi con. Còn trong trường hợp chị B cứ nhất thiết đòi ly hôn với anh thì quan điểm của anh V, anh là sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Vân A cho đến khi cháu Vân A đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Quàng Thị Minh N; sinh ngày 10/9/2003 đã đủ tuổi thành niên và cháu đã đi làm. Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung, nợ riêng*: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đã tiến hành hòa giải tại Tòa án nhiều lần nhưng không thành, chị B có đơn gửi Tòa án với nội dung không yêu cầu Tòa án hòa giải tiếp đối với vợ chồng chị, vì xét thấy mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng đã trầm trọng, có hòa giải nữa cũng không thể quay về đoàn tụ. Ngày 10/7/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Quàng Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vì đang đi làm không nghỉ được, anh V xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa chị Cà Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; về quan hệ tài sản không có như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 15/5/2025 chị Cà Thị B nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đối với anh Quàng Văn V có địa chỉ tại Bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản B1, xã T, tỉnh Điện Biên), cùng ngày chị B đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị B theo Điều 195 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Cà Thị B và anh Quàng Văn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện

Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Các vấn đề khác: Bị đơn anh Quảng Văn V xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị B và anh V có đăng ký kết hôn theo đúng quy định, nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị xảy ra do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là do vợ chồng không tin tưởng nhau, dẫn đến nghi ngờ trong các mối quan hệ, chính vì vậy dẫn đến việc anh V bị ức chế về tâm lý đã có những lần đánh đập chị B, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại bản tự khai, đơn xác nhận tình trạng hôn nhân và tại phiên tòa chị B nói rằng vợ chồng chị đã không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải nhiều lần cho anh chị nhưng chị B vẫn nhất quyết ly hôn, không quay về chung sống cùng anh V, các buổi hoà giải đều không thành, chị B có đơn đề nghị Tòa án không hoà giải cho vợ chồng anh chị, cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được.

Về phía anh V tại bản tự khai cũng như tại các phiên hoà giải, anh V cũng cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không giải toả được, vẫn căng thẳng, hiện tại không ai còn quan tâm đến nhau nữa nhưng anh không muốn ly hôn vì vẫn còn thương vợ con. Mặc dù anh V nghi ngờ chị B có quan hệ ngoài luồng nhưng lại không có chứng cứ nhưng anh V vẫn yêu thương vợ con nên không nhất trí ly hôn, muốn quay về đoàn tụ để cùng chị B để nuôi dạy con cái, nhưng lần nào hoà giải tại Tòa án bản thân chị B cũng không muốn quay lại với anh V và luôn cho rằng tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay về đoàn tụ được.

Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị B cung cấp cho Tòa án và Trưởng Bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Trưởng Bản B, xã T, tỉnh Điện Biên) và U, tỉnh Điện Biên xác nhận thì vợ chồng anh chị khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện nay anh chị đã sống ly thân chị B về nhà bố mẹ để sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng của anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để

giải phóng cho chị B khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho nhau nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho cho chị B được ly hôn với anh V.

[2.2] Xét về con chung: Chị B và anh V có 02 con chung là cháu Quàng Thị Minh N; sinh ngày 10/9/2003 và cháu Quàng Vân A; sinh ngày 12/02/2016. Từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân, cháu Quàng Vân A; sinh ngày 12/02/2016 sống cùng anh V, bản thân cháu Vân A cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố (thể hiện tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 30/5/2025) và tại phiên toà ngày hôm nay chị B cũng đồng ý để cháu V1 anh được ở cùng với anh V. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Vân A. HĐXX cần giao con chung cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Vân A đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Chị B có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Đối với Quàng Thị Minh N; sinh ngày 10/9/2003 đã đủ tuổi thành niên và cháu đã đi làm. HĐXX không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của anh V.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Cà Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cà Thị B với anh Quàng Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Quàng Văn A; sinh ngày 12/02/2016 cho chị anh Quàng Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Văn A đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Quàng Thị Minh N; sinh ngày 10/9/2003 đã đủ tuổi thành niên và cháu đã đi làm. HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cà Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị B đã nộp theo biên lai thu tiền 0000368 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Điện Biên). Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Cà Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2025).

Anh Quàng Văn V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV2-ĐB;
- UBND xã Thanh Yên, tỉnh DB;
- (nơi đăng ký kết hôn);
- Phòng THADSKV2TĐB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

